

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/DS-ST

Ngày 06-5-2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ngọc Khánh và ông Y Dhiều Hmők.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 06/5/2025, tại Phòng xử án, trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2025/TLST-DS ngày 13/02/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-DS ngày 17/4/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đào Văn Đ, sinh năm 1964 – vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Cái Văn T, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của bị đơn ông T và bà B là chị Cái Thị Kim T1, sinh năm 1993 – có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đào Văn Đ trình bày có nội dung:

Do có mối quan hệ quen biết, thông gia với nhau (con của bị đơn lấy cháu họ của ông Đ), có sự tin tưởng nên trong khoảng thời gian từ năm 2022 đến năm 2024, ông Đào Văn Đ đã nhiều lần cho vợ chồng ông Cái Văn T và bà Nguyễn Thị B vay tiền với tổng số tiền là 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng). Mỗi lần vay tiền được lập thành các Hợp đồng vay tiền và có Giấy giao nhận tiền giữa hai bên. Vợ chồng ông Cái Văn T và bà Nguyễn Thị B đã nhận đủ số tiền 12.000.000.000 đồng. Trong các Hợp đồng vay tiền đều thỏa thuận thời hạn trả và lãi suất. Tuy nhiên, kể

từ ngày vay đến thời điểm khởi kiện tại Tòa án, vợ chồng ông Cái Văn T và bà Nguyễn Thị B vẫn chưa trả cho nguyên đơn ông Đào Văn Đ khoản tiền gốc và lãi nào.

Đến ngày 01/3/2025, giữa hai bên có lập Biên bản xác nhận công nợ và cam kết trả nợ. Theo đó, nguyên đơn ông Đào Văn Đ đồng ý giảm cho bị đơn ông Cái Văn T và bà Nguyễn Thị B số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Số tiền còn lại là 11.800.000.000 đồng (Mười một tỷ, tám trăm triệu đồng), bị đơn ông Cái Văn T và bà Nguyễn Thị B cam kết trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày lập Biên bản xác nhận công nợ và cam kết trả nợ thì sẽ trả hết số tiền nợ cho ông Đào Văn Đ. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại bị đơn ông Cái Văn T và bà Nguyễn Thị B vẫn chưa trả cho nguyên đơn khoản tiền gốc và lãi nào.

Do đó, nguyên đơn ông Đào Văn Đ yêu cầu Tòa án buộc bị đơn vợ chồng ông Cái Văn T và bà Nguyễn Thị B phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 11.800.000.000 đồng (Mười một tỷ, tám trăm triệu đồng). Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nợ gốc trên.

Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Cái Văn T, bà Nguyễn Thị B là chị Cái Thị Kim T1 trình bày có nội dung: Trước đây cha mẹ chị cần vốn làm ăn nên có vay tiền của rất nhiều người, do việc làm ăn thất bại, thua lỗ, nên các khoản vay phát sinh số tiền lãi rất lớn; cha mẹ chị không có khả năng trả nợ. Từ đó, thông qua gia đình bên chồng của chị, cha mẹ chị đã vay tiền của ông Đ đúng với số tiền mà ông Đ đã khởi kiện tại Tòa án. Quá trình vay tiền được diễn ra nhiều lần, nhiều đợt, mỗi lần với số tiền khác nhau. Nhưng do làm ăn thua lỗ, cha mẹ chị vẫn chưa trả cho ông Đ số tiền nào. Đến ngày 01/3/2025, giữa cha mẹ chị và ông Đ đã chốt lại toàn bộ số nợ, được thể hiện bằng Biên bản xác nhận công nợ và cam kết trả nợ ngày 01/3/2025, theo đó tổng số tiền mà cha mẹ chị nợ ông Đ là 12.000.000.000 (Mười hai tỷ đồng). Ông Đ đã giảm cho cha mẹ chị số tiền 200.000.000 đồng; số tiền còn lại là 11.800.000.000 đồng, cha mẹ chị hẹn đến ngày 10/3/2025 sẽ trả hết cho ông Đ. Tính đến thời điểm hiện tại, cha mẹ chị vẫn chưa trả cho ông Đ khoản nợ nào. Khi vay tiền, ông Đ không yêu cầu cha mẹ chị phải cầm cố, thế chấp cho ông Đ bất cứ tài sản gì. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu cha mẹ chị phải trả cho ông Đ số tiền 11.800.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất thì cha mẹ chị đồng ý. Về thời gian trả nợ, cha mẹ chị đề nghị ông Đ cho trả thành nhiều đợt, từ nay đến năm 2029, mỗi năm vào ngày 30/12 hàng năm, sẽ trả cho ông Đ số tiền 1.500.000.000 đồng (các năm 2025, 2026, 2027, 2028, 2029). Số tiền gốc còn lại là 4.300.000.000 đồng, cha mẹ chị sẽ thanh toán hết cho ông Đ vào ngày 30/12/2030.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 116, 117, 119, 463,

466 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Văn Đ buộc bị đơn vợ chồng ông Cái Văn T và bà Nguyễn Thị B phải trả cho ông Đ số tiền nợ gốc 11.800.000.000 đồng (Mười một tỷ, tám trăm triệu đồng); đối với tiền lãi suất, nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng dân sự (Hợp đồng vay tài sản) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về trình tự thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn ông Đào Văn Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn là phù hợp khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu của đương sự*:

[3.1] Các đương sự đều thừa nhận rằng: Ông Đ với vợ chồng ông Cái Văn T và bà Nguyễn Thị B có quan hệ quen biết với nhau, có sự tin tưởng nên trong khoảng thời gian từ năm 2022 đến năm 2024, ông Đào Văn Đ đã nhiều lần cho vợ chồng ông Cái Văn T và bà Nguyễn Thị B vay tiền với tổng số tiền là 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng). Mỗi lần vay tiền được lập thành các Hợp đồng vay tiền và có Giấy giao nhận tiền giữa hai bên. Vợ chồng ông Cái Văn T và bà Nguyễn Thị B đã nhận đủ số tiền 12.000.000.000 đồng. Trong các Hợp đồng vay tiền đều thỏa thuận thời hạn trả và lãi suất. Tuy nhiên, kể từ ngày vay đến thời điểm khởi kiện tại Tòa án, vợ chồng ông Cái Văn T và bà Nguyễn Thị B vẫn chưa trả cho nguyên đơn ông Đào Văn Đ khoản tiền gốc và lãi nào.

Đến ngày 01/3/2025, giữa hai bên có lập Biên bản xác nhận công nợ và cam kết trả nợ. Theo đó, nguyên đơn ông Đào Văn Đ đồng ý giảm cho bị đơn ông Cái Văn T và bà Nguyễn Thị B số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Số tiền còn lại là 11.800.000.000 đồng (Mười một tỷ, tám trăm triệu đồng), bị đơn ông Cái Văn T và bà Nguyễn Thị B cam kết trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày lập Biên bản xác nhận công nợ và cam kết trả nợ thì sẽ trả hết số tiền nợ cho ông Đào Văn Đ. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại bị đơn ông Cái Văn T và bà Nguyễn Thị B vẫn chưa trả cho nguyên đơn khoản tiền gốc và lãi nào.

Do đó, nguyên đơn ông Đào Văn Đ yêu cầu Tòa án buộc bị đơn vợ chồng ông Cái Văn T và bà Nguyễn Thị B phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 11.800.000.000 đồng (Mười một tỷ, tám trăm triệu đồng). Khi vay tiền bị đơn ông Cái Văn T và bà Nguyễn Thị B thế chấp cho ông Đ bất cứ tài sản gì.

Hội đồng xét xử thấy rằng, việc vợ chồng ông Cái Văn T và bà Nguyễn Thị B vay tiền của ông Đào Văn Đ đã được các bên đương sự thừa nhận. Trong khoảng

thời gian từ năm 2022 đến năm 2024, ông Đào Văn Đ đã nhiều lần cho vợ chồng ông Cái Văn T và bà Nguyễn Thị B vay tiền với tổng số tiền là 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng).

Đến ngày 01/3/2025, giữa hai bên có lập Biên bản xác nhận công nợ và cam kết trả nợ. Theo đó, nguyên đơn ông Đào Văn Đ đồng ý giảm cho bị đơn ông Cái Văn T và bà Nguyễn Thị B số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Số tiền còn lại là 11.800.000.000 đồng (Mười một tỷ, tám trăm triệu đồng), bị đơn ông Cái Văn T và bà Nguyễn Thị B cam kết trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày lập Biên bản xác nhận công nợ và cam kết trả nợ thì sẽ trả hết số tiền nợ cho ông Đào Văn Đ. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại bị đơn ông Cái Văn T và bà Nguyễn Thị B vẫn chưa trả cho nguyên đơn khoản tiền gốc và lãi nào.

Hai bên xác lập quan hệ vay tài sản là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng quy định của pháp luật về điều kiện, mục đích, nội dung và hình thức hợp đồng vay tài sản được quy định tại các Điều 117, Điều 118, Điều 119 và Điều 463 Bộ luật Dân sự, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Việc bị đơn không trả nợ khi đến hạn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn được quy định tại Điều 465, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền gốc 11.800.000.000 đồng (Mười một tỷ, tám trăm triệu đồng) là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3.2] Xét ý kiến của đại diện bị đơn về thời gian trả nợ đề nghị ông Đ cho trả thành nhiều đợt, từ nay đến năm 2029, mỗi năm vào ngày 30 tháng 12 hàng năm, bị đơn sẽ trả cho ông Đ số tiền 1.500.000.000 đồng (các năm 2025, 2026, 2027, 2028, 2029). Số tiền gốc còn lại là 4.300.000.000 đồng, bị đơn sẽ thanh toán hết cho ông Đ vào ngày 30/12/2030. Tuy nhiên, ý kiến này không được nguyên đơn ông Đào Văn Đ đồng ý. Do đó, không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3.3] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất đối với số nợ gốc nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Xét quan điểm của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

Bị đơn vợ chồng ông Cái Văn T và bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Văn Đ.

Buộc bị đơn vợ chồng ông Cái Văn T và bà Nguyễn Thị B phải trả cho ông Đào Văn Đ số tiền nợ gốc là 11.800.000.000 đồng (Mười một tỷ, tám trăm triệu đồng). Nguyên đơn ông Đào Văn Đ không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nợ gốc trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Nguyên đơn ông Đào Văn Đ được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Cái Văn T và bà Nguyễn Thị B được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- CCTHADS thị xã Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Khanh